ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN IA H'DRAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 148 /KH-UBND	*Ia H'Drai, ngày 15 tháng 8 năm 2022*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn huyện Ia H'Drai

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 1707/SLĐTBXH-TGXHGN ngày 09/8/2022 về việc xây dựng kế hoạch, đề xuất kinh phí năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện năm 2022[1], Ủy ban nhân dân huyện báo cáo kết quả triển khai thực hiện 7 tháng năm 2022, xây dựng kế hoạch, đề xuất kinh phí năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn huyện Ia H'Drai, cụ thể như sau:

I. BỐI CẢNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Thuận lợi

- Các cấp ủy đảng, chính quyền xác định công tác giảm nghèo bền vững là nội dung quan trọng trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của các cấp, các ngành, địa phương. Các văn bản về giảm nghèo đã được ban hành tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình chỉ đạo, triển khai thực hiện.

- Ban Chỉ đạo các cấp được thành lập kịp thời, thực hiện tốt nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành, điều phối, đảm bảo Chương trình được triển khai thực hiện có hiệu quả.

2. Khó khăn, thách thức

- Ia H'Drai là một huyện nghèo biên giới, có tỷ lệ dân tộc thiểu số chiếm trên 62%, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo hơn 60%. Cơ sở hạ tầng còn thiếu, đang trong quá trình đầu tư, xây dựng, đa phần đời sống của người dân phụ thuộc vào phát triển ngành khai thác, giá cả mủ cao su.

- Thời tiết khắc nghiệt, dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường, dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm xảy ra tại nhiều nơi đã tác động tiêu cực đến cuộc sống và sinh kế của người dân, nhất là người nghèo, người yếu thế.

- Là năm đầu thực hiện giai đoạn theo các văn bản hướng dẫn mới, theo quy định Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để địa phương triển khai thực hiện như: Mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo

[1] Chi tiết kết quả thực hiện 7 tháng và ước thực hiện cả năm 2022 theo Phụ lục kèm theo.

trên địa bàn các huyện nghèo từ nguồn ngân sách nhà nước; một số mức hỗ trợ tại tiểu dự án 1 (*giảm nghèo về thông tin),* dự án 6 thuộc Chương trình[2]... nhưng tỉnh chưa ban hành dẫn đến việc khó khăn triển khai thực hiện tại địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Nâng cao hiệu quả giảm nghèo bền vững, đa chiều, bao trùm, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ các xã nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo.

- Giảm nghèo gắn với phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ tài nguyên môi trường. Hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia (*về việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch sinh hoạt và vệ sinh, thông tin…*), thích ứng với biến đổi khí hậu và từng bước cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân trên địa bàn.

- Cải thiện tình trạng dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em 0-16 tuổi, góp phần giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tăng cường đầu tư hạ tầng; đẩy mạnh sự kết nối trong công tác đào tạo nghề, tạo việc làm, hỗ trợ sinh kế, khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo; phấn đấu đến cuối năm giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện ít nhất 7→9%/năm[3].

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho lao động, tạo việc làm gắn với thu nhập, cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo.

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng toàn huyện thể nhẹ cân (*cân nặng/tuổi*) xuống còn 12,9%; thể thấp còi (*chiều cao/tuổi*) xuống còn 18,2% vào năm 2023.

- Bằng nhiều hình thức tuyên truyền phù hợp về các chương trình, chính sách, mô hình về giảm nghèo đến người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp được đào tạo, nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Kết quả chủ yếu

- Các công trình cơ sở hạ tầng ở các xã đặc biệt khó khăn phục vụ trực tiếp cho sản xuất và dân sinh, đáp ứng nhu cầu của người dân hưởng lợi.

- Các mô hình giảm nghèo được nhân rộng, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cho người nghèo, người khuyết tật có hiệu quả phù hợp với điều kiện sinh thái của vùng.

---

[2] Theo quy định tại Điều 19 và Điều 21 Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

[3] Theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022 - 2025.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng; nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi.

- Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Người dân và cộng đồng được nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo.

- Các hoạt động giám sát, kiểm tra, đánh giá được tổ chức định kỳ theo quy định nhằm phát hiện những khó khăn, vướng mắc để có giải pháp giải quyết kịp thời.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng nhu cầu vốn thực hiện Chương trình năm 2023: 79.135 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 73.590 triệu đồng; vốn sự nghiệp 5.545 triệu đồng. Cụ thể:

- Nguồn ngân sách Trung ương: 70.919 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 65.878 triệu đồng; vốn sự nghiệp 5.041 triệu đồng.

- Nguồn ngân sách địa phương[4]: 7.092 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 6.588 triệu đồng; vốn sự nghiệp 504 triệu đồng.

- Vốn huy động khác: 1.125 triệu đồng.

2. Nhu cầu đối với nội dung hoạt động cho từng dự án

2.1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo

Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo

a) Mục tiêu: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, tăng cường tính kết nối, phục vụ cho sản xuất và dân sinh, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu như: Đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, cầu, hạ tầng điện,...tăng cường năng lực, tạo điều kiện để người dân và cộng đồng tham gia thực hiện, tạo việc làm; góp phần giảm rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; thực hiện công tác duy tu bảo dưỡng dựa vào cộng đồng.

b) Đối tượng thụ hưởng: Các xã trên địa bàn huyện (*không bao gồm xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*).

c) Nội dung hoạt động: Đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện nghèo:

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu trên địa bàn huyện (*công trình đầu tư cấp huyện, liên xã*) liên kết vùng phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, gồm:

---

[4] Theo Khoản 1, Điều 12, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

+ Công trình giao thông, cầu, hạ tầng điện phục vụ dan sinh, sản xuất;

+ Các công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia;

+ Các công trình y tế đạt chuẩn quốc gia;

+ Các công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân;

+ Các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao;

+ Các loại công trình xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội khác do cộng đồng nghèo trên địa bàn huyện đề xuất.

- Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn huyện.

d) Kết quả đầu ra:

- Các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ trực tiếp cho sản xuất và dân sinh, đáp ứng nhu cầu của người dân hưởng lợi, ưu tiên các công trình có nhiều người hưởng lợi là hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, phụ nữ.

- Các công trình phục vụ dân sinh được duy tu và bảo dưỡng trên địa bàn huyện.

e) Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn: Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum, Quyết định giao vốn của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2023.

g) Vốn và nguồn vốn thực hiện: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 75.020 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển: 73.590 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 1.430 triệu đồng*), trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 67.178 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển: 65.878 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 1.300 triệu đồng*).

- Ngân sách địa phương: 6.718 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển: 6.588 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 130 triệu đồng*).

- Vốn huy động hợp pháp khác: 1.125 triệu đồng.

2.2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Mục tiêu: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển các mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, có thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng thụ hưởng:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (*trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo*), người khuyết tật (*không có sinh kế ổn định*) trên phạm vi toàn huyện; người dân sinh sống ở vùng nghèo, vùng khó khăn.

Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, công ty, doanh nghiệp; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nhằm tạo việc làm, sinh kế, tăng thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo; ưu tiên hỗ trợ các mô hình giảm nghèo triển khai trên địa bàn. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình giảm nghèo, mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chịu trách nhiệm thực hiện.

c) Nội dung hoạt động: Hỗ trợ thí điểm, xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch (*thông qua các hình thức như hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ tự quản, tổ thoát nghèo, công ty, doanh nghiệp hoặc mô hình khác*) nhằm đa dạng hóa sinh kế, tạo việc làm bền vững, có thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

d) Kết quả đầu ra:

- Nhân rộng các mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cho người nghèo, người khuyết tật có hiệu quả phù hợp với điều kiện sinh thái của vùng.

- Hỗ trợ phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập ổn định cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn nghèo, khó khăn. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do phụ nữ, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số quản lý; ưu tiên hỗ trợ mô hình thuộc lĩnh vực: Trồng trọt, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, phát triển du lịch bản địa.

e) Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn: Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum, Quyết định giao vốn của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2023.

g) Vốn và nguồn vốn thực hiện: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 1.676.4 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*), trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 1.524 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

- Ngân sách địa phương: 152,4 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

2.3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

2.3.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Mục tiêu: Hỗ trợ người nghèo; người dân sinh sống ở vùng nghèo, vùng khó khăn nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ, nâng cao chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tăng cường kết nối giữa người sản xuất và các công ty, doanh nghiệp trong

chuỗi giá trị, ưu tiên phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất để nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng thụ hưởng:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (*trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo*), người khuyết tật (*không có sinh kế ổn định*) trên phạm vi toàn huyện; người dân sinh sống ở vùng nghèo, vùng khó khăn. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Chú trọng thực hiện ở các xã nghèo, có tiềm năng thuận lợi để phát triển sản xuất hàng hóa, kết nối thị trường, có khả năng thu hút các công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, đầu tư phát triển sản xuất bền vững.

c) Nội dung hoạt động:

- Hỗ trợ phát triển, đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất nông, lâm, nghiệp: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y và hỗ trợ khác theo quy định

- Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tư vấn chuyển giao kỹ thuật cho người nghèo.

- Hỗ trợ việc phát hiện, đánh giá, tài liệu hóa, thử nghiệm, thí điểm các mô hình, giải pháp về phát triển sản xuất nông nghiệp và phát triển chuỗi giá trị mang tính sáng tạo, hiệu quả tại các địa bàn cụ thể và hỗ trợ nhân rộng, thể chế hóa các mô hình, giải pháp đó ở quy mô lớn hơn, ở các thôn, xã khác; ưu tiên nhân rộng các mô hình, giải pháp sáng tạo, hiệu quả có sự tham gia tích cực, chủ động của các địa phương, đối tác phát triển, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cơ quan dịch vụ công…

d) Kết quả đầu ra:

- Hỗ trợ phát triển sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng; nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi.

- Nâng cao năng lực quản lý sản xuất, kinh tế của các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các nội dung hỗ trợ khác phù hợp với tính chất của hoạt động sinh kế định hướng thị trường; khuyến khích các công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia cam kết bao tiêu sản phẩm.

e) Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn: Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. Quyết định giao vốn của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2023.

g) Vốn và nguồn vốn thực hiện: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 1.041,7 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*), trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 947 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

- Ngân sách địa phương: 94,7 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

2.3.2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em 0-16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (*trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo*) và trẻ em vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn.

b) Đối tượng thụ hưởng:

- Trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (*trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo*), khu vực nông thôn.

- Trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế trên địa bàn huyện.

c) Nội dung hoạt động:

- Tăng cường việc tiếp cận với các can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo, vùng đặc biệt khó khăn.

- Tăng cường hoạt động chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc cho trẻ học đường (*trẻ 5-16 tuổi*).

- Tăng cường công tác thông tin, truyền thông và tư vấn cho phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ, người chăm sóc trẻ về lợi ích của việc chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ và trẻ em 0-16 tuổi.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản và cán bộ bảo vệ, chăm sóc trẻ em cấp xã; tăng cường nguồn lực và vai trò phối hợp liên ngành về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng phụ nữ, trẻ em 0-16 tuổi.

- Theo dõi, giám sát và báo cáo kết quả hoạt động.

d) Kết quả đầu ra:

- Hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở bà mẹ và trẻ em vùng khó khăn, hộ nghèo và cận nghèo.

- Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em, thanh thiếu niên và phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ vùng khó khăn, hộ nghèo và hộ cận nghèo.

- Bảo đảm an ninh thực phẩm và ứng phó về dinh dưỡng với tình huống khẩn cấp cho trẻ em tại vùng khó khăn.

e) Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn: Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum, Quyết định giao vốn của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2023.

g) Vốn và nguồn vốn thực hiện: Lồng ghép

2.4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

2.4.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Mục tiêu: Phát triển đồng bộ giáo dục nghề nghiệp ở vùng nghèo, vùng khó khăn; hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp nâng cao kỹ năng nghề nghiệp; tạo sinh kế, tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng đói nghèo, tái nghèo, góp phần giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng thụ hưởng:

- Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (*trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo*), người lao động có thu nhập thấp.

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại vùng nghèo, vùng khó khăn.

- Các công ty, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Các đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động của Tiểu dự án.

c) Nội dung hoạt động:

- Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại vùng nghèo, vùng khó khăn.

- Xây dựng các chuẩn, phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội ở vùng nghèo, vùng khó khăn.

- Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm vùng nghèo, vùng khó khăn.

- Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với công ty, doanh nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn.

- Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

d) Kết quả đầu ra:

- Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp được nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

- Tạo sinh kế, tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo.

e) Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn: Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum, Quyết định giao vốn của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2023.

g) Vốn và nguồn vốn thực hiện: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 612,7 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*), trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 557 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

- Ngân sách địa phương: 55,7 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

2.4.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Mục tiêu: Đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài ở các xã nghèo; hỗ trợ hoạt động đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng góp phần tạo việc làm nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, nhất là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn.

b) Đối tượng thụ hưởng:

- Người lao động cư trú trên địa bàn các xã nghèo có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài (*không bao gồm các địa bàn được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài quy định tại Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*); ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Cơ sở đào tạo, công ty, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ để đi làm việc ở nước ngoài theo các Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

c) Nội dung hoạt động:

- Hỗ trợ người lao động thuộc các xã nghèo: Hỗ trợ học nghề, ngoại ngữ và giáo dục định hướng để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo; hỗ trợ tiền đi lại trong thời gian tham gia đào tạo, trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; hỗ trợ chi phí khám sức khỏe; làm hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội để đi làm việc ở nước ngoài. Hỗ trợ giới thiệu, tư vấn về đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người lao động.

- Hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Hỗ trợ một phần chi phí đào tạo ngoại ngữ cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo các Chương trình đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

d) Kết quả đầu ra: Người lao động thuộc các hộ nghèo, đặc biệt là lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được hỗ trợ các nội dung theo quy định để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần thoát nghèo bền vững.

e) Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn: Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum, Quyết định giao vốn của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2023.

g) Vốn và nguồn vốn thực hiện: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 205,7 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*), trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 187 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

- Ngân sách địa phương: 18,7 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

2.4.3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động vùng nghèo, vùng khó khăn.

b) Đối tượng thụ hưởng:

- Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (*trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo*).

- Người lao động vùng nghèo, vùng khó khăn.

- Cơ quan quản lý Nhà nước các cấp ở địa phương.

c) Nội dung hoạt động:

- Hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động: Đầu tư hệ thống mạng, đường truyền, hệ thống máy chủ, máy tính, hệ thống trang thiết bị phục vụ lưu trữ, hệ thống an ninh bảo mật… (*phục vụ thu thập, xử lý, phân tích thông tin và dự báo thị trường lao động*) cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các xã. Thu thập thông tin việc làm trống/nhu cầu tuyển dụng của người sử dụng lao động và nhu cầu đăng ký tìm việc làm của người lao động (*cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc*).

- Hỗ trợ giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động: Tổ chức các hoạt động giao dịch việc làm, tạo cơ hội cho người lao động, nhất là lao động phi chính thức, lao động nghèo, vùng sâu, vùng xa tiếp cận được thông tin về chính sách lao động, việc làm và tìm kiếm các cơ hội việc làm phù hợp khả năng, nguyện vọng của bản thân.

- Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu về dân cư: Đầu tư hệ thống trang thiết bị máy chủ, đường truyền, thiết bị để nhập tin, lưu trữ, cập nhật dữ liệu; quản trị, vận hành hệ thống phần mềm. Tổ chức thu thập, nhập dữ liệu và cập nhật thông tin của người lao động vào phần mềm thu thập thông tin về người lao động. Đào

tạo, tập huấn cho người thu thập, nhập dữ liệu và cập nhật thông tin của người lao động.

- Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động trên địa bàn huyện. Phổ biến các ấn phẩm phân tích, dự báo thị trường lao động.

- Hỗ trợ kết nối việc làm cho người lao động thuộc xã nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

d) Kết quả đầu ra

- Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động được vận hành.

- Cung cấp kịp thời thông tin về chính sách lao động, việc làm và cơ hội việc làm phù hợp với khả năng, nguyện vọng của người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Tạo việc làm cho người lao động thuộc xã nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo để thoát nghèo bền vững.

e) Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn: Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum, Quyết định giao vốn của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2023.

g) Vốn và nguồn vốn thực hiện: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 171,6 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 156 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

- Ngân sách địa phương: 15,6 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

2.5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các xã

a) Mục tiêu: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các xã nghèo; bảo đảm hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng thụ hưởng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã nghèo, có trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý tại thời điểm Chương trình có hiệu lực thi hành và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Chương trình có hiệu lực thi hành tối thiểu 03 năm. Không bao gồm các hộ được hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

c) Nội dung hoạt động: Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo để thực hiện xây mới hoặc sửa chữa nhà ở, đảm bảo sau khi được hỗ trợ, các hộ gia đình có nhà ở mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở đang có, đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m2 và "3 cứng" (*nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng*); tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

d) Kết quả đầu ra:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc các xã nghèo chưa có nhà ở hoặc đã có nhà ở nhưng nhà ở quá tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ và không có khả năng tự cải thiện nhà ở được hỗ trợ về nhà ở.

- Giảm tỷ lệ thiếu hụt về nhà ở tại các xã nghèo.

e) Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn: Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. Quyết định giao vốn của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2023.

g) Vốn và nguồn vốn thực hiện: Lồng ghép

2.6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

2.6.1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Mục tiêu:

- Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (*trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo*) có nhu cầu, sử dụng hiệu quả dịch vụ thông tin, viễn thông, dịch vụ truy nhập internet.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có điểm cung cấp thông tin công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở các khu vực này.

- Tăng cường cung cấp thông tin về cơ sở, nhất là cung cấp thông tin cho người dân sinh sống trên địa bàn các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi các thông tin về kiến thức, kỹ năng, mô hình, kinh nghiệm lao động, sản xuất, kinh doanh; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có hệ thống đài truyền thanh hoạt động, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương.

b) Đối tượng thụ hưởng:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (*trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo*); người dân sinh sống ở vùng nghèo, vùng khó khăn.

- Các địa bàn nghèo, khó khăn.

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung hoạt động:

- Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông.

- Hỗ trợ hộ gia đình nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận thông tin.

- Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới và cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới.

- Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của Nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở và cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

d) Kết quả đầu ra:

- Cán bộ làm công tác thông tin, tuyên truyền các ngành, các cấp; phóng viên, biên tập viên; cán bộ thông tin, tuyên truyền ở cơ sở; cán bộ làm công tác thông tin, tuyên truyền của các tổ chức chính trị - xã hội được tham gia các lớp tập huấn, nâng cao năng lực về kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền.

- Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu sử dụng dịch vụ truy nhập dịch vụ viễn thông di động, dịch vụ truy nhập internet băng rộng một phần chi phí trang bị máy điện thoại thông minh và chi phí sử dụng dịch vụ; ưu tiên đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (*thực hiện bằng nguồn kinh phí của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và các nguồn xã hội hóa theo quy định của pháp luật*).

- Thiết lập mới đài truyền thanh xã cho các xã chưa có đài truyền thanh và nâng cấp, chuyển đổi đài truyền thanh cũ (*công nghệ FM hoặc đài có dây*), hoạt động kém hiệu quả sang đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

e) Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn: Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. Quyết định giao vốn của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2023.

g) Vốn và nguồn vốn thực hiện: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 60,5 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 55 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

- Ngân sách địa phương: 5,5 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

2.6.2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Mục tiêu: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

b) Đối tượng thụ hưởng: Người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung hoạt động:

- Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông; tổ chức các hội thảo, hội nghị về giảm nghèo bền vững.

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ đảng viên, nhất là người đứng đầu trong công tác giảm nghèo; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần "tương thân tương ái" của dân tộc ta đối với người nghèo.

- Truyền thông hướng dẫn người nghèo, hộ nghèo có kiến thức, kinh nghiệm trong lao động sản xuất, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của nhà nước và xã hội.

- Truyền thông nâng cao nhận thức cho đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương (*đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em, phụ nữ bị bạo hành, người khuyết tật, người cao tuổi, người nghiện ma túy và đối tượng khác*) để tiếp cận, thụ hưởng các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội, khơi dậy ý chí, nỗ lực vượt qua hoàn cảnh khó khăn, vươn lên trong cuộc sống; lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong nội dung truyền thông nhằm giảm định kiến giới, tạo điều kiện cho phụ nữ thoát nghèo.

- Tăng cường công tác thông tin, truyền thông và tư vấn chăm sóc dinh dưỡng. Xây dựng, cập nhật, cung cấp công cụ, tài liệu truyền thông dưới nhiều hình thức, ngôn ngữ phù hợp với các dân tộc cho cơ sở y tế các cấp.

- Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản tích cực tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững; tổ chức biên soạn, in ấn và phát hành các sản phẩm thông tin, tuyên truyền về các chính sách, nội dung giảm nghèo.

- Tổ chức thực hiện phong trào thi đua "*Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*", khơi dậy ý chí tự lực tự cường, phát huy nội lực vươn lên "*thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no*" của người dân và cộng đồng, phấn đấu "*Vì một Việt Nam không còn đói nghèo*"; biểu dương, khen thưởng đối với các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo phấn đấu và có thành tích thoát nghèo bền vững.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông về công tác giảm nghèo đa chiều, giáo dục nghề nghiệp, việc làm, trợ giúp xã hội, bảo vệ, chăm sóc trẻ em, dinh dưỡng và bình đẳng giới.

- Xây dựng, phát triển mạng lưới cán bộ tuyên truyền viên, báo cáo viên về giảm nghèo từ cấp huyện tới cơ sở.

- Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo định kỳ ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở để tăng cường giải thích về chính sách, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách.

- Truyền thông, nâng cao khả năng tiếp cận trợ giúp pháp lý cho người nghèo và đối tượng yếu thế, người dân tại vùng nghèo, vùng khó khăn để họ biết và thụ hưởng khi có yêu cầu.

- Tăng cường tuyên truyền trên các Trang thông tin điện tử của các đơn vị, địa phương về công tác giảm nghèo.

- Truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cộng đồng, gia đình về công tác xóa mù chữ, nâng cao tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi; huy động các tổ chức kinh tế, xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cộng đồng dân cư có trách nhiệm tham gia công tác xóa mù chữ, nâng cao tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cho trẻ em nghèo; nâng tỷ lệ qua đào cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn nghèo, đặc biệt khó khăn; đảm bảo tỷ lệ biết chữ cân bằng giữa nam và nữ, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phát triển kinh tế - xã hội ở vùng nghèo, vùng khó khăn.

d) Kết quả đầu ra:

- Người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình; các tổ chức và cá nhân có liên quan được nâng cao nhận thức về công tác giảm nghèo, các chính sách có liên quan đến giảm nghèo.

- Các hoạt động truyền thông được tổ chức với nhiều hình thức phù hợp: trên các phương tiện thông tin đại chúng; trang thông tin điện tử của các đơn vị, địa phương; tờ rơi, tờ gấp, pano; đối thoại chính sách; nói chuyện chuyên đề; trợ giúp pháp lý…

e) Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn: Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. Quyết định giao vốn của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2023.

g) Vốn và nguồn vốn thực hiện: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 49,5 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*), trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 45 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

- Ngân sách địa phương: 4,5 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

2.7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình

2.7.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

a) Mục tiêu: Nâng cao năng lực, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ (*bằng hình thức phù hợp tình hình thực tế môi trường ảnh hưởng dịch Covid-19*) cho đội ngũ những người làm công tác giảm nghèo để hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương không rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm đội ngũ cán bộ đủ năng lực thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

b) Đối tượng thụ hưởng: Đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (*cán bộ thôn, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cộng tác viên giảm nghèo, cán bộ các Hội, đoàn thể…*), chú trọng đối tượng là cán bộ nữ.

c) Nội dung hoạt động:

- Xây dựng tài liệu đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về giảm nghèo đa chiều, giảm nghèo về thông tin, đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, phát triển sản xuất, trợ giúp xã hội, bảo vệ, chăm sóc trẻ em, giáo dục nghề nghiệp, lao động, việc làm, chăm sóc dinh dưỡng; ưu tiên các nội dung giới thiệu về cách tiếp cận, phương pháp và các mô hình giảm nghèo thành công.

- Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ tuyên truyền viên, nhất là cấp cơ sở trong việc hỗ trợ người dân giảm nghèo về thông tin (*sau khi đội ngũ tuyên truyền viên được thành lập; bằng hình thức phù hợp tình hình thực tế*).

d) Kết quả đầu ra

- Đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác giảm nghèo các cấp được nâng cao năng lực, áp dụng vào thực tế triển khai nhiệm vụ.

- Các chính sách, chương trình về giảm nghèo được thực hiện đảm bảo đúng đối tượng, mục tiêu, hiệu quả, bền vững.

e) Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn: Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. Quyết định giao vốn của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2023.

g) Vốn và nguồn vốn thực hiện: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 198 triệu đồng tỷ đồng (*vốn sự nghiệp*), trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 180 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

- Ngân sách địa phương: 18 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

2.7.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

a) Mục tiêu: Triển khai quy trình, hệ thống kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo Chương trình thực hiện đạt được mục tiêu đề ra.

b) Đối tượng:

- Các cơ quan chủ trì, quản lý các dự án, tiểu dự án, các hoạt động thuộc Chương trình.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.

c) Nội dung hoạt động:

- Triển khai quy trình kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; mẫu báo cáo kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình, mẫu biểu thu thập thông tin Chương trình.

- Tổ chức các hoạt động giám sát thường xuyên và định kỳ cập nhật các thông tin liên quan đến tình hình thực hiện Chương trình; tổng hợp, phân tích,

đánh giá thông tin, đề xuất các phương án phục vụ việc ra quyết định của các cấp quản lý nhằm đảm bảo Chương trình thực hiện đúng mục tiêu, đúng tiến độ, đạt chất lượng và trong khuôn khổ các nguồn lực đã được xác định.

- Tổ chức các hoạt động đánh giá định kỳ theo kế hoạch nhằm xác định mức độ đạt được theo mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể so với quyết định phê duyệt Chương trình. Đánh giá Chương trình bao gồm: Đánh giá đầu kỳ, đánh giá giữa kỳ, và đánh giá cuối kỳ.

- Tổ chức các hoạt động kiểm tra định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất, nhằm kiểm tra việc chấp hành quy định về quản lý Chương trình của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; phát hiện kịp thời những sai sót, yếu kém về quản lý Chương trình theo quy định của pháp luật; kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử lý những vướng mắc, phát sinh, việc làm sai quy định về quản lý Chương trình; giám sát việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý các vấn đề đã phát hiện.

- Thực hiện chế độ thu thập thông tin, báo cáo kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình, gồm: Chế độ thu thập thông tin và tổng hợp các biểu mẫu; chế độ báo cáo kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình;

- Tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng về các hoạt động của Chương trình. Tổ chức giám sát phản biện chính sách xã hội của Chương trình.

- Tổ chức thực hiện rà soát, xác định hộ nghèo và hộ cận nghèo hằng năm, hộ có mức sống trung bình theo đúng quy định.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách, Chương trình, dự án (*bao gồm tiểu dự án và hoạt động*) giảm nghèo ở các cấp theo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất (*khi cần thiết*).

d) Kết quả đầu ra: Bảo đảm tổ chức triển khai thực hiện cơ chế, chính sách, Chương trình, đúng mục tiêu, đúng định hướng, đúng luật pháp, hiệu quả. Kịp thời giám sát, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện, giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc, hạn chế.

e) Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn: Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum, Quyết định giao vốn của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2023.

g) Vốn và nguồn vốn thực hiện: Tổng nhu cầu vốn thực hiện 99 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*), trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 90 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

- Ngân sách địa phương: 9 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, các cơ quan, tổ chức và Nhân dân trong thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác giảm nghèo bền vững.

2. Đổi mới, đẩy mạnh, nâng cao chất lượng phong trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau"; *Cuộc vận động "Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững",* khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo bền vững của người dân và cộng đồng; tuyên truyền, giới thiệu những cá nhân, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.

3. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giảm nghèo. tham gia hoàn thiện chính sách giảm nghèo; thực hiện đồng bộ các chính sách giảm nghèo gắn với mục tiêu phát triển bền vững.

4. Phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội trong phối hợp, triển khai thực hiện công tác giảm nghèo.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các phòng ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch, các cơ quan ban, ngành liên quan và địa phương: Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm, gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp chung. Đồng thời hướng dẫn triển khai thực hiện Dự án 2, Dự án 4, Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6, Dự án 7.

- Là cơ quan đầu mối theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 02/4/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Ia H'Drai giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 49/QĐ-BCĐ ngày 25/4/2022 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Ia H'Drai giai đoạn 2021-2025 về quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo.

- Tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững vào kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch hằng năm, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân huyện chủ động huy động, lồng ghép các nguồn lực và ưu tiên phân bổ nguồn vốn cho các xã có tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao; bố trí một phần ngân sách địa phương để hỗ trợ thực hiện, hoàn thành các mục tiêu giảm nghèo theo quy định.

- Chủ trì tổng hợp, cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương cho Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định; huy động các nguồn tài trợ để thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Trên cơ sở dự toán kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững được Sở Tài chính giao hằng năm, phối hợp với Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện quyết định phân bổ nguồn vốn Trung ương thực hiện Chương trình và nguồn vốn địa phương đối ứng theo phân cấp quản lý ngân sách theo quy định.

- Hướng dẫn về cơ chế tài chính, thanh quyết toán các nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình theo quy định của Trung ương, sở ngành (nếu có).

3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp báo cáo chung.

4. Trung tâm Y tế huyện

Chủ trì, trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp báo cáo chung.

5. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

Chủ trì, trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Dự án 5; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp báo cáo chung

6. Phòng Giáo dục và Đào tạo (*Thông tin và Truyền thông*)

Chủ trì, trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp báo cáo chung.

7. Ủy ban nhân dân các xã

- Căn cứ Kế hoạch này và tình hình thực tế của địa phương, xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình; chủ động huy động, lồng ghép các nguồn lực và ưu tiên phân bổ nguồn vốn cho các thôn có tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao; bố trí một phần ngân sách địa phương để hỗ trợ thực hiện, hoàn thành các mục tiêu giảm nghèo theo quy định. Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả.

- Triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã năm 2023, báo cáo kết quả rà soát kịp thời theo quy định.

- Tổ chức đôn đốc, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện đối với các thôn trên địa bàn quản lý.

- Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023, báo cáo kịp thời theo quy định.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội huyện

- Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường, có ý chí, khát vọng vươn lên thoát nghèo bền vững. Trong đó, tiếp tục thực hiện tốt công tác dân vận trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, phong trào "*Dân vận khéo*", gắn với việc triển khai thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động *"Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững"*, Cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*", Phong trào thi đua "*Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*".

- Vận động các tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ các nguồn lực giúp người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững theo kế hoạch giảm nghèo của địa phương.

- Phối hợp tổ chức thực hiện việc giám sát, phản biện trong việc xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách giảm nghèo trên địa bàn huyện Ia H'Drai.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, các đơn vị địa phương chủ động triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân huyện (*qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội*) để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân huyện bổ sung, điều chỉnh phù hợp./.

Nơi nhận:
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (b/c);
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện (p/h);
- Các đoàn thể chính trị - xã hội huyện (p/h);
- Các Phòng, ban, ngành, đơn vị thuộc huyện;
- Ngân hành Chính sách xã hội huyện;
- UBND các xã;
- Lưu: VT-TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN IA H'DRAI - T. KON TUM

Nguyễn Tiến Dũng

Phụ lục 1:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO 7 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2022

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Huyện ủy Ia H'Drai: Ban hành Kế hoạch của Ban Thường vụ Huyện ủy triển khai thực hiện Kế hoạch số 31-KH/TU, ngày 28-10-2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23-6-2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030[5]; Nghị quyết về lãnh đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Ia H'Drai[6].

2. Hội đồng nhân dân huyện Ia H'Drai ban hành các Nghị quyết về: Mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Ia H'Drai; mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Ia H'Drai[7]; phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện các công trình, dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 và bổ sung, phân bổ phần đối ứng ngân sách địa phương vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước năm 2022 của huyện Ia H'Drai[8]; mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Ia H'Drai[9].

3. Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai: Thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp huyện[10]; ban hành các văn bản chỉ đạo: điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 trên địa bàn huyện Ia H'Drai[11]; thực hiện công tác giảm nghèo[12]; Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022[13]; về giao chỉ tiêu giảm nghèo năm 2022[14]; Quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện Ia H'Drai[15]; Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 31-KH/TU ngày 28-10-2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23-6-2021 của Ban Bí

---

[5] Kế hoạch số 50-KH/HU ngày 14/12/2021.

[6] Chương trình số 69-NQ/HU ngày 11-7-2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 19-5-2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI "*về triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện*".

[7] Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện.

[8] Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 09/8/2022 của Hội đồng nhân dân huyện .

[9] Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

[10] Quyết định 261/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai.

[11] Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 22/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai.

[12] Tại Văn bản 1615/UBND-TH ngày 24/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về tập trung triển khai hiệu quảcác nhiệm vụ, giải pháp giảm nghèo trong thời gian tới.

[13] Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 11/02/2022 của Ủy ban nhân dân huyện.

[14] Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 25/4/2022 của Ủy ban nhân dânhuyện

[15] Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 12/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện.

thư Trung ương Đảng "*Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030"*[16]; Quyết định về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc giai trên địa bàn huyện[17]; Quyết định về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương, mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Ia H'Drai[18]; thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện[19]; Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia huyện Ia H'Drai giai đoạn 2021 - 2025[20].

4. Cấp xã: Có 03/03 xã đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 và thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Kết quả giảm hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 - 2020[21]

Toàn huyện hộ nghèo: 576 hộ, chiếm tỷ lệ 18,22% so với tổng số hộ dân toàn huyện, trong đó có 449 hộ nghèo dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 23,10% so với tổng số hộ dân tộc thiểu số toàn huyện; Hộ cận nghèo: 675 hộ, chiếm tỷ lệ 21,35% so với tổng số hộ dân toàn huyện, trong đó có 523 hộ cận nghèo dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 26,90% so với tổng số hộ dân tộc thiểu số toàn huyện. Như vậy, trong năm 2021, số hộ thoát nghèo là 742, tương ứng giảm 25,16% đạt 125,08% so với kế hoạch đề ra.

2. Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đến cuối năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 (*chuẩn mới*)

Toàn huyện hộ nghèo: 1.288 hộ, chiếm tỷ lệ 40,73% so với tổng số hộ dân toàn huyện, trong đó có 976 hộ nghèo dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 75,78% so với tổng số hộ nghèo; Hộ cận nghèo: 627 hộ, chiếm tỷ lệ 19,83% so với tổng số hộ dân toàn huyện.

3. Ước thực hiện năm 2022 giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giai đoạn 2022 - 2025:

Toàn huyện: Phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo từ 7-9%.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH, CƠ CHẾ GIẢM NGHÈO

---

[16] Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 10/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện.

[17] Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện.

[18] Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện.

[19] Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 02/4/2022 của Ủy ban nhân dân huyện.

[20] Quyết định số 49/QĐ-BCĐ ngày 25/4/2022 của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia huyện Ia H'Drai đoạn 2021-2025.

[21] Số liệu tại Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 12/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai.

1. Đã phối hợp các cơ quan ban, ngành, địa phương trong quản lý và cấp 1.116 thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, cận nghèo[22]; hỗ trợ kinh phí tiền điện cho 1.287 hộ nghèo, hộ chính sách xã hội[23] với kinh phí thực hiện là 495,495 triệu đồng.

2. Về nội dung cải thiện dinh dưỡng: Đang triển khai.

3. Về đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo: Đang triển khai.

4. Về việc làm: Đang triển khai.

5. Về nhà ở: Đang triển khai.

6. Về thông tin: Đang triển khai.

IV. KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, CHƯƠNG TRÌNH

Năm 2022: Tổng kinh phí thực hiện Chương trình được Trung ương giao là 68.626 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 63.424 triệu đồng; vốn sự nghiệp 5.202 triệu đồng. Thực hiện phân bổ cụ thể như sau:

1. Dự án 1, hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo: 65.271 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 63.424 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 1.847 triệu đồng.

2. Dự án 2, đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: 1.479 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*):

3. Dự án 3, hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (*tiểu dự án 1, hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*): 627 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

4. Dự án 4, phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững: 900 triệu (*vốn sự nghiệp*):

- Tiểu dự án 1, Hỗ trợ đào tạo nghề: 611 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

- Tiểu dự án 2, Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: 187 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

- Tiểu dự án 3, Hỗ trợ việc làm bền vững: 102 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

5. Dự án 6, truyền thông và giảm nghèo về thông tin: 52 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*):

- Tiểu dự án 1, Hỗ trợ Giảm nghèo về thông tin: 24 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

- Tiểu dự án 2, Hỗ trợ truyền thông về giảm nghèo đa chiều: 28 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

---

[22] Trong đó hộ nghèo là 1.116 thẻ; hộ cận nghèo là 0 thẻ.

[23] Trong đó 1.287 hộ nghèo; 0 hộ chính sách xã hội.

6. Dự án 7, nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình: 297 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

- Tiểu dự án 1, Hỗ trợ nâng cao nâng lực thực hiện Chương trình: 194 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

- Tiểu dự án 2, Hỗ trợ giám sát, đánh giá: 103 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*).

Hiện nay, đã phân bổ kinh phí cụ thể cho các đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện theo quy định.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Các cấp, các ngành đã tổ chức quán triệt và tích cực chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đề ra và đạt được nhiều kết quả quan trọng: Công tác tuyên truyền về giảm nghèo bền vững được quan tâm, đổi mới với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Việc triển khai thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo trên địa bàn huyện Ia H'Drai đã tạo điều kiện, cơ hội cho người dân được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Kịp thời ban hành các văn bản theo chỉ đạo của Trung ương, tỉnh về quản lý, triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện.

- Đảm bảo tiến độ về phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2025 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 nguồn ngân sách Trung ương cho các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Chương trình.

2. Hạn chế, nguyên nhân

- Thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường, nhất là đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến đời sống, hoạt động sản xuất của một bộ phận người dân và gây khó khăn cho các cơ quan, địa phương triển khai các chương trình, chính sách về giảm nghèo.

- Một số văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, tỉnh chưa ban hành kịp thời gây khó khăn cho các địa phương trong việc tổ chức thực hiện.

- Việc Trung ương giao kế hoạch vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 chậm so với thời hạn lập dự toán ngân sách Nhà nước hằng năm gây nhiều khó khăn cho các địa phương trong cân đối xác định nguồn lực đối ứng từ ngân sách địa phương, huy động nguồn lực hợp pháp để thực hiện Chương trình.

- Ia H'Drai là một huyện nghèo, biên giới, huyện có tỷ lệ dân tộc thiểu số chiếm trên 62% . Huyện có tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo hơn 60%. Cơ sở hạ tầng còn thiếu, chưa đồng bộ. Đa phần đời sống của người dân phụ thuộc vào phát triển ngành khai thác, giá cả mủ cao su.

- Thời tiết khắc nghiệt, dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường, dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm xảy ra tại nhiều nơi đã tác động tiêu cực đến cuộc sống và sinh kế của người dân, nhất là người nghèo, người yếu thế./.